TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 04 - 2018
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTL, sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh KTH, sinh năm 1985, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn V, xã X, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/3/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị LTL trình bày:

Chị kết hôn với anh KTH vào ngày 10/10/2008, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N. Kết hôn xong vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh H một thời gian ngắn,

sau đó vợ chồng về thuê nhà sinh sống, làm công nhân tại thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh H không chịu khó làm ăn, chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên căng thẳng, cãi chửi nhau, nhiều lần anh H còn đánh đập chị. Đến tháng 04 năm 2012, chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Phú Thọ, anh H về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn V, xã X và vợ chồng chị ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 04 năm 2012 đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh KTH.

Con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là KLHH, sinh ngày 11/4/2009. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung cùng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh KTH quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bay quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh H thì hiện nay anh H đi làm ăn vắng nhà nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại thôn V, xã X. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo giải quyết vụ án… cho anh H và niêm yết đầy đủ các giấy tờ tại nơi cư trú của anh H. Gia đình anh H nhận dược các loại giấy tờ của Tòa án, anh H biết việc giải quyết ly hôn nhưng anh H cố tình không đến, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện N đã tống đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên thòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh KTH đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L và anh H được ly hôn; con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung, xác nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung cùng; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Chị LTL xin ly hôn anh KTH và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với bị đơn anh KTH, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn KTH nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị LTL và anh KTH là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống cùng nhau nhưng không hòa thuận, hạnh phúc. Chị L xác định vợ chồng không hợp nhau, anh H không chịu làm ăn, chơi bời, không quan tâm đến vợ con và ly thân nhau từ tháng 4 năm 2012 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương xã X, làm việc với mẹ đẻ anh H là bà HTN thì: vợ chồng anh H và chị L mâu thuẫn với nhau là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay cãi vã, mắng chửi nhau và sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2012 cho đến nay.

Bà HTN còn xác định việc Tòa án báo gọi, triệu tập anh H đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, bà là người nhận các loại văn bản, giấy tờ và đã thông báo lại cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện việc anh Hùng không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, cố ý vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, thời gian sống ly thân đã quá dài và vợ chồng cũng không thể hàn gắn với nhau. Nên cần giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Hùng để giải phóng cho các bên đương sự.

[2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung KLHH, sinh ngày 11/4/2009, hiện nay cháu đang ở với chị L. Quá trình giải quyết vụ án, anh H luôn vắng mặt

tại phiên tòa, không có cơ sở để xem xét việc giao con cho anh nuôi. Do vậy, ly hôn cần giao cho chị L nuôi con chung và cũng chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[3] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Về Hôn nhân: Xử, cho ly hôn giữa chị LTL và anh KTH.

[2] Về con chung: Giao cho chị LTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu KLHH, sinh ngày 11/4/2009. Anh KTH không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị LTL phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001468 ngày 06/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đát bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS N;*
- *UBND xã X;*
- *UBND xã Đ, huyện T*
- *Đương sự;*
-*Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công